ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1281 /QĐ-UBND-HC	*Đồng Tháp, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 670/TTr-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các số liệu, nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu TNMT;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Cổng TTĐT Tỉnh (Công bố danh mục);
- Website Sở TNMT (Công bố danh mục);
- Lưu: VT, NC/KT.bnt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện

DANH MỤC
THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND-HC ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Mã danh mục	Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	Đơn vị	Định dạng (Số, giấy)	Cơ quan tổ chức thu thập cung cấp/Nơi lưu trữ	Thời hạn bảo quản	Phương thức truy cập/khai thác	Đối tượng khai thác	Khả năng cung cấp, sử dụng	Năm duyệt/cấp phép	Ghi chú
I	**22.00.00**	**Danh sách thông tin dữ liệu đất đai**									
1	**22.01.00**	**Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính**									
1.1	22.01.00	Bản đồ địa chính	Tờ	Số/Giấy	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Trích lục	2024	
2	**22.02.00**	**Đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất**									
2.1	22.02.00	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân (HGĐ, CN) trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.2	22.02.00	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	

STT	Mã danh mục	Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	Đơn vị	Định dạng (Số, giấy)	Cơ quan tổ chức thu thập cung cấp/Nơi lưu trữ	Thời hạn bảo quản	Phương thức truy cập/khai thác	Đối tượng khai thác	Khả năng cung cấp, sử dụng	Năm duyệt/cấp phép	Ghi chú
2.3	22.02.00	Hồ sơ đăng ký biến động đất đai (thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng,...) của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.4	22.02.00	Hồ sơ đăng ký biến động đất đai đối với đất tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Văn phòng Đăng ký đất đaiTỉnh	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.5	22.02.00	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, gia hạn thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; Phòng Tài nguyên Môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.6	22.02.00	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, gia hạn thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đối với đất tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.7	22.02.00	Hồ sơ giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (hộ gia đình, cá nhân) trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	5 năm (kể từ khi hết giao dịch)	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.8	22.02.00	Hồ sơ giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh	5 năm (kể từ khi hết giao dịch)	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	

STT	Mã danh mục	Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	Đơn vị	Định dạng (Số, giấy)	Cơ quan tổ chức thu thập cung cấp/Nơi lưu trữ	Thời hạn bảo quản	Phương thức truy cập/khai thác	Đối tượng khai thác	Khả năng cung cấp, sử dụng	Năm duyệt/cấp phép	Ghi chú
2. 9	22.02.00	Hồ sơ, tài liệu về cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (hộ gia đình, cá nhân) trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ	Số/Giấy	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2.10	22.02.00	Hồ sơ, tài liệu về cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố	Hồ sơ		Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
3	**22.03.00**	**Thống kê, kiểm kê đất đai**									
3.1	22.03.00	Thống kê đất đai năm 2023 (cấp xã, huyện, tỉnh) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Bộ	Số/Giấy	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh; Phòng Tài nguyên môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
4	**22.04.00**	**Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**									
4.1	22.04.00	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của 12 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Bộ	Số/Giấy	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh; Phòng Tài nguyên môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp/Trực tuyến	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu	2024	
5	**22.05.00**	**Giá đất và bản đồ giá đất**									

STT	Mã danh mục	Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	Đơn vị	Định dạng (Số, giấy)	Cơ quan tổ chức thu thập cung cấp/Nơi lưu trữ	Thời hạn bảo quản	Phương thức truy cập/khai thác	Đối tượng khai thác	Khả năng cung cấp, sử dụng	Năm duyệt/cấp phép	Ghi chú
5.1	22.05.00	Hồ sơ giá đất cụ thể bồi thường, tái định cư, chuyển mục đích	Hồ sơ	Số/Giấy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
5.2	22.05.00	Chứng thư giá đất cụ thể	Quyển	Số/Giấy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
5.3	22.05.00	Quy định phê duyệt giá đất cụ thể	Trang	Số/Giấy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
II	**23.00.00**	**Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường**									
3	**23.03.00**	**Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định**									
3.1	23.03.00	Hồ sơ, tài liệu phê duyệt cấp Giấy phép môi trường thẩm quyền cấp huyện, thành phố	Hồ sơ	Giấy	Phòng Tài nguyên môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Rộng rãi	2024	
3.2	23.03.00	Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường	Hồ sơ	Giấy	Phòng Tài nguyên môi trường	20 năm	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Rộng rãi	2024	

STT	Mã danh mục	Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	Đơn vị	Định dạng (Số, giấy)	Cơ quan tổ chức thu thập cung cấp/Nơi lưu trữ	Thời hạn bảo quản	Phương thức truy cập/khai thác	Đối tượng khai thác	Khả năng cung cấp, sử dụng	Năm duyệt/cấp phép	Ghi chú
4	**23.04.00**	**Thông tin về chỉ tiêu thống kê môi trường, chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường**									
4.1	23.04.00	Báo cáo kết quả giám sát đánh giá môi trường	Quyển	Số/Giấy	Phòng Quản lý môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường	20 năm	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Rộng rãi	2024	
III	**90.00.00**	**Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết**									
1	90.00.00	Hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của hộ gia đình, cá nhân và cơ quan tổ chức về lĩnh vực đất đai	Đơn	Giấy	Phòng Thanh tra – Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Phòng Tài nguyên môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Tra cứu/Sao lục	2024	
2	90.00.00	Hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của hộ gia đình, cá nhân và cơ quan tổ chức về lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước	Hồ sơ	Giấy	Phòng Thanh tra – Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Phòng Tài nguyên môi trường	Vĩnh viễn	Đề nghị cung cấp	Hành chính	Tra cứu/Sao lục	2024	
3	90.00.00	Hồ sơ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường	Hồ sơ	Giấy	Phòng Tài nguyên môi trường	Vĩnh viễn	Trực tiếp	Cá nhân/Tổ chức	Rộng rãi	2024	